

Bản án số: 944/2020/DS-PT

Ngày: 28/9/2020

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Hương.

*Các Thẩm phán:*

Ông Lưu Trường Sanh

Ông Lại Huỳnh Tú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Vũ Khắc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09/9/2020 và 28/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLPT - DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2019/DS - ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3698/2020/QĐPT - DS ngày 23 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 9208/2020/QĐPT - DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Hà Duy Nh, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: 371/4 Trần Hưng Đạo, Khu phố 3, Phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Văn B, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: 19R Nguyễn Hữu Cánh, phường Y, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2019)

***2. Bị đơn:*** Bà Mai Thụy Vân A, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: 06.01, Lầu 6 Block Era EA3, chung cư Kỷ Nguyên, Đường 15B, phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là luật sư Cao Đình Th - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn bà Nguyễn Hà Duy Nh trình bày:*

Năm 2013-2014: bà Nh quen và làm việc chung với bà A tại khách sạn Tajmasago thuộc tập đoàn Khaisilk, Quận Z. Thời gian đó bà A nhiều lần đến chơi tại nhà trọ và có gặp ba mẹ bà Nh. Và chị em bà Nh cũng có đến nhà bà A tại địa chỉ Số 06.01, Lầu 6, Block Era EA3, chung cư Kỷ Nguyên, đường 15B, phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh chơi và ngủ lại vài lần vào cuối năm 2017-2018, mối quan hệ hai bên rất thân thiết như chị em trong gia đình. Năm 2016, bà A có ý định làm mai một người Ý cho bà Nh tên là Andrew Gósling.

Theo lời của bà A, để bà A làm hồ sơ cho bà Nh đi du lịch nước Ý, và nhiều việc khác, bà A đã yêu cầu bà Nh và người thân nhiều lần chuyển khoản cho bà A với tổng số tiền gần ba tỷ đồng. Thời gian chuyển tiền từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2018. Tổng cộng có 03 (ba) tài khoản nhận chuyển tiền, hai tài khoản ACB và Vietcombank của bà A và một tài khoản Vietcombank số 531002644973 là của Đỗ Kim Ngân (em họ bà A). Sau này bà Nh mới biết bà A đã dùng tiền của bà Nh để mua căn nhà số 01, lầu 06 lô A3 chung cư Đức Khải, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đó khi bà A không thực hiện được lời hứa, bà Nh có liên hệ bà A yêu cầu chuyển trả toàn bộ số tiền mà bà Nh và người thân đã chuyển cho bà A. bà A, không những không trả lại tiền cho bà Nh mà còn có những lời lẽ thách thức bà Nh và coi thường pháp luật.

bà Nh biết rằng bản thân và gia đình đã bị lừa đảo hết sức tinh vi, bà Nh đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận. Qua quá trình điều tra, do chưa có trả lời từ các nhà mạng Tango, Zalo và cũng không xác định được thời gian có kết quả trả lời từ các nhà mạng trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có cơ sở xác định hành vi lừa đảo của bà A. Ngày 19/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận đã ra Quyết định không khởi tố vụ án số 07/PC01 do Thượng tá Lê Trung Thành ký. Tại quyết định trên, Cơ quan điều tra đã làm việc với bà A và kết luận bà A có nhận tiền từ tài khoản của bà Nh và gia đình với số tiền chỉ còn là 2.187.061.000 (Hai tỷ một trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi một nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Hà Duy Nh đề nghị Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét buộc bà Mai Thụy Vân A trả cho bà Nguyễn Hà Duy Nh số tiền: 2.187.061.000 (Hai tỷ một trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi một nghìn) đồng. Đề nghị thanh toán một lần ngay sau khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

*Tại đơn tường trình, bị đơn bà Mai Thụy Vân A trình bày:*

Từ tháng 8/2011, bà A vào làm tại khách sạn Tajmasago thuộc tập đoàn Khaisilk và làm ở vị trí Lễ tân Bộ phận đặt phòng. Lúc đó bà A làm chung với bà Nh cùng bộ phận. bà A cũng như các đồng nghiệp khác nghe bà Nh kể rất nhiều về chuyện yêu người nước ngoài và lúc đó đang quen người Nhật, chia tay người Nhật, yêu người Việt Kiều Mỹ và kể sau thời gian quen bị người yêu đó lừa mấy trăm triệu. Tất cả người yêu bà Nh kể với bà A đều là người nước ngoài: Hàn Quốc, Nhật, Mỹ, Ý, Nga.

bà Nh làm tới năm 2013 cuối năm thì xin nghỉ và thông báo với mọi người là về quê ở Phan Thiết đợi Việt Kiều Mỹ về cưới.

Đến tháng 4 năm 2015 bà A xin nghỉ làm để kế hoạch tháng 06 có em bé. Trong thời gian mang thai vẫn nghe bà Nh than buồn là người yêu đó không về cưới và bị lừa mấy trăm triệu. Sau đó một thời gian bà Nh khoe mới quen anh người yêu bên Ý qua mạng và một người Mỹ cũng qua mạng. Người Ý này làm về nội thất, sau này nghe một vài người bạn kể với bà A thì bà Nh nói người đó làm về gom mua phế liệu, có khi lại nói làm về phi công. Người đó muốn bảo lãnh bà Nh đi du lịch, muốn bảo lãnh định cư mà giấy tờ trục trặc. Người làm giấy tờ bảo lãnh này là người quen của một người bạn trai ở Việt Nam chuyên giải quyết các vấn đề lớt tay, lãnh sự Ý. Mỗi lần muốn lớt cho giấy tờ suôn sẻ thì phải cần một số tiền nhưng ba mẹ bà Nh không tin bà Nh nữa vì trước đó đã bị lừa mấy trăm triệu cũng vụ hứa cưới bảo lãnh. Tất cả các cuộc đối thoại của bà Nh và bà A đều qua Viber, cuộc gọi thoại, Whatsapp.

bà Nh có nói với bà A là *“lận đận bị lừa hoài đến khi gặp đúng người thì ba mẹ không tin rồi nói mỗi ngày chỉ biết vào chùa tu và chán chường đủ kiểu”*. bà A cũng có động viên nhưng vì bà A mới sinh em bé nên không có thời gian tâm sự với bà Nh nhiều. bà Nh có nhờ bà A nói giúp với ba mẹ bà Nh là người yêu Ý này là bạn bà A. bà A có nói *“tôi là người Việt Nam sao mà nói là quen Tây được”*. bà Nh nói bà A là cứ nói với ba mẹ bà Nh là do làm ở khách sạn và quen anh bạn này. bà A nói *“lỡ có gì ba mẹ Nhất tìm tôi hỏi hoài tôi biết nói làm sao?”* và bà Nh có đề nghị bà A cho bà Nh mượn tài khoản Zalo do lúc đó bà A mới sinh em bé nên không sử dụng Zalo buôn bán hay làm ăn. bà Nh có hứa chỉ là tạo những tin nhắn giữa bà A và bà Nh chủ yếu nói về người Ý này để bà Nh đưa ra cho ba mẹ bà Nh tin để khi bà Nh cần lo chuyện lớt tay giấy tờ thì ba mẹ sẽ đưa. Để tạo niềm tin hơn, bà Nh sẽ để ba mẹ chuyển tiền vào tài khoản của bà A, nhờ bà A rút ra, đưa lại tiền mặt cho bà Nh bằng nhiều hình thức: đưa qua một người bạn, người bạn đó sẽ qua nhà bà A lấy và đưa về quê cho bà Nh hoặc đưa trực tiếp cho người bạn mà đi làm giấy tờ lớt tay hoặc đưa cho người bạn thân của em gái bà Nh,...

Sau đó có một lần khi về quê ăn Tết, bà Nh có nói với bà A là người Ý gặp tai nạn không về được thời gian này. bà A bắt đầu thấy khó tin nên tháng 8/2018 bà A đã từ chối sẽ không giúp nhận và đưa tiền nữa.

Việc bà Nh cho rằng bà A chiếm đoạt tiền của bà Nh là không đúng. Nếu bà A chiếm đoạt tiền của bà Nh, tại sao trong suốt 03 năm qua nếu gửi tiền cho bà A những lần đầu mà bà A giữ số tiền đó cho mình thì bà Nh sẽ phát hiện ra và tố bà A từ 03 năm trước. Tức là số tiền đó là tiền bà Nh và gia đình nhờ giao dịch phải là thành công thì mới tiếp tục nhờ bà A chuyển tiền liên tục sau đó nữa. Mặt khác về kinh tế hai gia đình: Gia đình bà A có ba mẹ, bà A, em gái và chồng bà A đều có lao động thu nhập khá cao trong ba năm đó. Gia đình bà Nh, em gái bà Nh, bà Nh thất nghiệp, không đi làm lấy tiền đâu ra mà có 2 tỉ mấy gửi cho bà A. Lúc đầu bà Nh tố cáo bà A chiếm đoạt số tiền 2,8 tỉ để mua nhà tại cơ quan điều tra, nhưng sau đó lại thay đổi thành tố cáo bà A chiếm đoạt số tiền

2,187 tỉ để mua nhà, không có sự nhất quán. Căn nhà bà A mua bằng tiền của mẹ bà A, không liên quan đến bà Nh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Hà Duy Nh rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu buộc bà Mai Thụy Vân A thanh toán lại cho bà Nh những khoản tiền đã chuyển cho bà Mai Thụy Vân A không có nội dung giao dịch trừ đi số tiền bà Mai Thụy Vân A đã chuyển lại cho bà Nguyễn Hà Duy Nh là 937.239.000 (chín trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Mai Thụy Vân A phải trả là 1.249.822.000 đồng.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2019/DS - ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hà Duy Nh.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Hà Duy Nh về việc buộc bà Mai Thụy Vân A trả số tiền 937.239.000 (chín trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Buộc bà Mai Thụy Vân A trả lại cho bà Nguyễn Hà Duy Nh số tiền 1.249.822.000 đồng (bằng chữ: Một tỉ hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/12/2019, bị đơn bà Mai Thụy Vân A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút kháng cáo; các bên không thỏa thuận được cách thức giải quyết vụ kiện.

- Bị đơn nộp cho Tòa "Đơn bổ sung chứng cứ" ngày 07/9/2020; "Đơn tường trình" ngày 15/9/2020 của bà Hoa là mẹ của bị đơn kèm theo đơn là các bản photo giấy tờ như: Quyết định thuận tình ly hôn của bà A và ông Hoàng, giấy xác nhận CMND của bà Hoa; Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của bà Vân, bà Hoa, bà Liên; Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng thế chấp tài sản địa chỉ số 216A Xóm Chiếu, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền đặt cọc căn hộ....

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - luật sư Cao Đình Th trình bày: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Yêu cầu điều tra xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm vì chưa đủ cơ sở khách quan để buộc phía bị đơn trả lại số tiền như cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét đánh giá lại toàn bộ chứng cứ.

Xét thấy:

Tài liệu do nguyên đơn giao nộp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản sao kê giao dịch tại Ngân hàng do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Tỉnh Bình Thuận cung cấp thể hiện bà Nguyễn Hà Duy Nh có chuyển tiền vào tài khoản của bà Mai Thụy Vân A từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2018 tổng số tiền là 2.187.061.000 đồng; trong đó một số giao dịch chuyển tiền có ghi nhận nội dung chuyển tiền, một số giao dịch không ghi nội dung.

Quá trình sơ thẩm xác định phía nguyên đơn bà Nh xác định số tiền chuyển cho bà A không có nội dung giao dịch là 1.396.672.000 đồng; từ ngày 17/02/2017 đến ngày 26/6/2018 bà A đã chuyển trả vào tài khoản của bà Nh số tiền là 146.850.000 đồng. Như vậy, bà A còn giữ của bà Nh số tiền là 1.249.822.000 đồng. Đối với các khoản tiền do người nhà của nguyên đơn chuyển giúp vào tài khoản của Vân Anh thì nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện những khoản tiền đã chuyển cho bị đơn nhưng không ghi nội dung giao dịch tổng cộng 937.239.000 đồng để kiện sang một vụ án khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đình chỉ đúng quy định.

Xét đơn kháng cáo ngày 20/12/2019 bị đơn Mai Thụy Vân A trình bày "*...tôi không có chiếm đoạt số tiền này của Nguyễn Hà Duy Nh mà chỉ nhận giúp số tiền Nhất mượn tài khoản chuyển vào rồi chuyển cho người khác theo yêu cầu của Nhất...*". Như vậy, bị đơn đã thừa nhận có nhận số tiền 1.249.822.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh lý do nhận tiền để thực hiện giao dịch gì. Mặc dù bà trình bày đã rút số tiền trên nhiều lần và giao lại cho những người nhà của bà Nh nhưng lại không nêu được những người đó là ai, tên gì, ở đâu ... Kèm theo đơn kháng cáo, bị đơn nộp chứng cứ là các bản chụp photo hình ảnh các tin nhắn từ điện thoại của nguyên đơn và bị đơn cùng các hợp đồng mua căn hộ chung cư của bà Nguyễn Thị Kim Hoa là mẹ của bị đơn. Nhưng những tài liệu này không thể hiện nội dung là bà Nh đã nhận lại số tiền 1.249.822.000 đồng hoặc bị đơn đã chi trả cho nguyên đơn hoặc là đã chi theo yêu cầu của nguyên đơn như thế nào. Tại tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày thêm vào ngày 03/4/2017 bị đơn nhận số tiền 400.000 đồng vào tài khoản với nội dung là mua trái cây và ngày 16/4/2016 nhận số tiền 65.000.000 đồng vào tài khoản với nội dung mua hàng tức là mua bánh trung thu và các mặt hàng khác đề nghị được trừ ra vì đã thực hiện đúng yêu cầu của nguyên đơn nhưng phía bà Nh chỉ thừa nhận khoản tiền 400.000 đồng mua trái cây, không thừa nhận số tiền 65.000.000 đồng vì không rõ ràng. Số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn còn lại là 1.249.422.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về số tiền mà bị đơn bà Mai Thụy Vân A phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Hà Duy Nh là 1.249.422.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 165; Điều 166 BLDS năm 2015.

Đối với quyết định về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hà Duy Nh được chấp nhận nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà Mai Thụy Vân A phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên tại tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới thay đổi về số tiền mà bị đơn phải thi hành nên cũng cần điều chỉnh án phí cho phù hợp.

Bởi các lẽ trên: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thụy Vân A.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 359/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận Z theo hướng đã phân tích.Đương sự chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thụy Vân A đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Xét bị đơn bà Mai Thụy Vân A kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2019/DS - ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Toà cấp phúc thẩm xem xét đánh giá lại toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không buộc bà phải trả cho bà Nh số tiền 1.249.822.000 đồng, xem xét lại phần án phí mà Tòa án nhân dân Quận Z đã tuyên bà phải nộp.

\* Xét, về yêu cầu kháng cáo không phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.249.822.000 đồng của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hà Duy Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mai Thụy Vân A trả lại tổng số tiền 1.249.822.000 đồng là số tiền mà bà Nh đã chuyển vào tài khoản của bà A. Trong quá trình Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ kiện, nguyên đơn nộp cho Toà các chứng cứ là: Các bản sao có công chứng của Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; Kết quả giải quyết tố giác tội phạm của công an tỉnh Bình Thuận, bản thống kê chi tiết chuyển tiền (có số bl từ 30 - 75; từ 95 - 99). Theo tài liệu do nguyên đơn giao nộp là bản sao kê giao dịch tại Ngân hàng do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Thuận (bl từ số 35 - 75; 95 - 99) thì bà Nguyễn Hà Duy Nh có chuyển tiền vào tài khoản của bà Mai Thụy Vân A từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2018 số tiền là: 2.187.061.000 đồng. Tuy nhiên, một số giao dịch chuyển tiền có ghi nhận nội dung chuyển tiền, một số không có nội dung giao dịch.

Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Nh xác định số tiền chuyển cho bị đơn bà A không có nội dung giao dịch là 1.396.672.000 đồng (bl số 95 - 96). Cụ thể số

tiền mà bà Nh chuyển vào tài khoản của bà A mà không có nội dung giao dịch như sau:

<b>NGÀY</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
23/03/2017	200.000
03/04/2017	400.000
17/04/2017	1,122.000
14/06/2017	44.000.000
04/07/2017	10.000.000
05/07/2017	90.000.000
24/07/2017	10.000.000
31/07/2017	30,000,000
04/08/2017	10.000.000
11/08/2017	10.000.000
15/08/2017	40.000.000
18/08/2017	23.000.000
31/08/2017	40.000.000
05/09/2017	15.000.000
06/09/2017	16.000.000
11/09/2017	10.000.000
13/09/2017	2.000.000
13/09/2017	50.000
18/09/2017	18.000.000
18/09/2017	18.000.000
26/09/2017	2.000.000
28/09/2017	44.500.000
02/10/2017	7.000.000
03/10/2017	69.000.000
09/10/2017	23.000.000
10/10/2017	46.000.000
12/10/2017	7.000.000
20/10/2017	30.000.000
26/10/2017	30.000.000
09/11/2017	40.500.000
25/11/2017	30.000.000
27/11/2017	40.000.000
04/12/2017	20.000.000
11/12/2017	30.500.000
14/12/2017	70.000.000
23/12/2017	20.000.000
05/01/2018	4.000.000
09/01/2018	40.000.000
10/01/2018	50.000.000
16/01/2018	30.000.000

16/01/2018	20.000.000
25/01/2018	61.000.000
07/02/2018	20.000.000
27/02/2018	65.000.000
29/03/2018	50.000.000
09/04/2018	50.000.000
12/04/2018	9.200.000
19/04/2018	20.000.000
20/04/2018	15.000.000
14/06/2018	65.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.396.672.000</b>

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ vụ kiện (bút lục từ số 95 - 97) thì có cơ sở để xác định từ ngày 17/02/2017 đến ngày 26/6/2018, bà A đã chuyển trả lại vào tài khoản của bà Nh số tiền là 146.850.000 đồng. Như vậy, bà A còn giữ của bà Nh số tiền là: 1.396.672.000 đồng - 146.850.000 đồng = 1.249.822.000 đồng.

Tại các "Đơn tường trình", "Đơn giải trình" ngày 15/9/2019 bị đơn bà Mai Thụy Vân A trình bày: "... Để tạo niềm tin hơn Nhất sẽ chuyển tiền vào tài khoản của tôi, nhờ tôi rút ra đưa lại tiền mặt cho Nhất bằng hình thức rất nhiều kiểu... tôi sẽ trình bày rõ ràng từng lần theo sao kê ngân hàng" (b1 79 - 84). Trong suốt quá trình Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án bà A không chứng minh được số tiền 1.249.822.000 đồng bà Nh đã chuyển cho bà A để thực hiện giao dịch gì và bà A cũng không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh số tiền 1.249.822.000 đồng này bà đã chi trả lại cho nguyên đơn hoặc là đã chi trả cho người khác, chi trả vào việc gì khác theo yêu cầu của nguyên đơn là bà Nh.

Tại đơn kháng cáo ngày 20/12/2019 (b1 120) bị đơn Mai Thụy Vân A trình bày "... Bà không chiếm đoạt số tiền này của nguyên đơn mà chỉ nhận giúp số tiền, cho bà Nh mượn tài khoản chuyển vào rồi chuyển cho người khác theo yêu cầu của bà Nh.. ".

Trong quá trình Toà án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết và tại phiên toà, bị đơn bà A nộp cho Toà "Đơn bổ sung chứng cứ" ngày 07/9/2020, có nội dung: "Tôi là bị đơn kính gửi Toà án TPHCM để trình bày và bổ sung tài liệu, chứng cứ là hình ảnh chụp lại từ điện thoại cuộc trao đổi tin nhắn giữa tôi và bà Nh", kèm theo đơn là 07 bản chụp photo hình ảnh các tin nhắn từ điện thoại. Tiếp theo ngày 15/9/2020 bị đơn nộp bản "Đơn tường trình" của bà Nguyễn Thị Kim Hoa là mẹ của bị đơn kèm theo đơn này là các bản photo các loại giấy tờ như: Quyết định thuận tình ly hôn của bà A và ông Nguyễn Huy Hoàng; Giấy xác nhận CMND của bà Hoa; Văn bản thoả thuận phân chia di sản của bà Vân, bà Hoa, bà Liên; Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng thế chấp tài sản địa chỉ số 216A Xóm Chiếu, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền mua căn hộ...

- Xét các tài liệu mà bị đơn đã nộp thì các tài liệu là những bản photo có nội dung không liên quan đến vụ kiện này, không thể hiện được nội dung nào là



bà A đã trả số tiền 1.249.822.000 đồng cho bà Nh hoặc bà Nh thừa nhận đã nhận số tiền này hay bà A đã giao số tiền trên cho người khác. Còn đối với lời khai của bị đơn trình bày tại phiên Toà phúc thẩm là đã rút số tiền trên thành nhiều lần và giao lại cho người nhà của bà Nh nhưng bà lại không biết những người đó là ai, tên gì, ở đâu ... nên HĐXX không có cơ sở để xem xét những lời khai này và những tài liệu mà bị đơn đã nộp cho cấp phúc thẩm.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn cùng thừa nhận số tiền 400.000 đồng chuyển vào tài khoản bị đơn ngày 03/4/2020 là tiền mua trái cây. Còn số tiền 65.000.000 đồng bị đơn trình bày đây là tiền mua bánh trung thu, phía nguyên đơn thì không thừa nhận. Xét bị đơn chỉ trình bày nhưng không chứng minh được số tiền này là tiền mua hàng (bánh trung thu) còn tại “Đơn tường trình các lần chuyển khoản theo bản sao kê ngân hàng” (bl số 79 - 84) của bị đơn tại cấp sơ thẩm thì bị đơn thừa nhận là “... ngày 14/06/2018 thì số 65 triệu là tiền tiếp tục làm giấy tờ đi Ý...” nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà Mai Thụy Vân A phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Hà Duy Nh số tiền 1.249.822.000 (một tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 165; Điều 166 BLDS năm 2015. Tuy nhiên do tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn cùng xác định bà A đã chuyển vào tài khoản của bà Nh số tiền là 400.000 đồng là tiền mua trái cây nên không yêu cầu bị đơn trả lại số này, nên cần phải sửa bản án sơ thẩm về số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn còn lại là: 1.249.822.000 đồng - 400.000 đồng = 1.249.422.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

\* Đối với kháng cáo của bị đơn về phần án phí dân sự sơ thẩm, nhận thấy do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, là phù hợp quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, do số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn giảm xuống nên cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm cho phù hợp.

\* Nhận thấy đây là vụ kiện đòi tài sản là tiền, trong quá trình tòa án cấp sơ thẩm giải quyết các bên đương sự đã tự thu thập các chứng cứ và giao nộp cho Tòa án nên cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại điều 97 BLTTDS. Do đó tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/11/2019, đại diện VKSND Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 17 BLTTDS năm 2015. Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn trả số tiền là 937.239.000 (chín trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng trong đó có một phần tiền mà nguyên đơn đã chuyển vào tài khoản của bà Đỗ Kim Ngân (bl 95, 96) nên cấp sơ thẩm đã không đưa bà Đỗ Kim Ngân vào tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Mai Thụy Vân A và ý kiến của vị đại diện Viện

kiểm sát. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2019/DS - ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

**[4]** Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Mai Thụy Vân A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thụy Vân A.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hà Duy Nh.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Hà Duy Nh về việc buộc bà Mai Thụy Vân A trả số tiền 937.239.000 (chín trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

- Buộc bà Mai Thụy Vân A trả lại cho bà Nguyễn Hà Duy Nh số tiền 1.249.822.000 đồng – 400.000 đồng = 1.249.422.000 (Một tỉ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn) đồng thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Mai Thụy Vân A chịu án phí sơ thẩm 49.482.660 (Bốn mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng.

- Bà Nguyễn Hà Duy Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 37.871.000 (Ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0031318 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Mai Thụy Vân A không phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0032134 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Mai Thụy Vân A.

**4.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của bộ luật Dân sự năm 2015.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Z, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận Z, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc Hương**